TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Châu;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Phương Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 172-TU/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị D, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 040186011563 cấp ngày 21/09/2022; địa chỉ thường trú: Tổ F, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đức L, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 042089011895 cấp ngày 25/02/2022: địa chỉ thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ tạm trú: Tổ F, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2025; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Võ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D và ông Bùi Đức L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2016, ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Hiện tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Võ Hoài A, sinh ngày 04/8/2016 và Bùi Võ An N, sinh ngày 07/7/2019. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị D không yêu cầu ông Bùi Đức L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Đức L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông L không đến và không nộp văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D được ly hôn với ông Bùi Đức L.

Về con chung: Giao hai con chung tên Bùi Võ Hoài A, sinh ngày 04/8/2016 và Bùi Võ An N, sinh ngày 07/7/2019 cho bà Võ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị D không yêu cầu ông Bùi Đức L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Bùi Đức L đang cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Toà án nhân dân khu vực 17-

Thành phố Hồ Chí Minh). Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị D vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Bùi Đức L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D và ông Bùi Đức L chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2016, ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà D yêu cầu ly hôn với ông L do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Ông L đã được triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng bà D và ông L không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông L có hai con chung tên Bùi Võ Hoài A, sinh ngày 04/8/2016 và Bùi Võ An N, sinh ngày 07/7/2019. Theo lời trình bày của nguyên đơn, hiện nay hai cháu đang được bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ý kiến của cháu A trong quá trình tố tụng cũng thể hiện nguyện vọng là muốn sống với mẹ. Nhận thấy việc tiếp tục giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và ý kiến của đương sự, đảm bảo được các con chung có sự phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Yêu cầu của nguyên đơn về việc giao hai con chung tên Bùi Võ Hoài A, sinh ngày 04/8/2016 và Bùi Võ An N, sinh ngày 07/7/2019 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Bùi Đức L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D được ly hôn với ông Bùi Đức L.

1.2. Về con chung:

- Giao hai con chung Bùi Võ Hoài A, sinh ngày 04/8/2016 và Bùi Võ An N, sinh ngày 07/7/2019 cho bà Võ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Võ Thị D và ông Bùi Đức L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002805 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phòng THADS khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- UBND xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh (01)
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Trúc